

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**  
**SINH VIÊN VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**  
**KẾT HỢP (BLENDED LEARNING)**  
**NĂM HỌC 2019-2020**

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2020*

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHẢO SÁT

## 1. Mục đích khảo sát

Khảo sát được thực hiện nhằm mục đích ghi nhận những ý kiến đánh giá của sinh viên về chất lượng giảng dạy theo hình thức blended learning, qua đó giúp:

- Nhà trường đánh giá chất lượng dạy – học theo hình thức kết hợp đối với GV, SV và điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của Trường.
- Giảng viên (GV) tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, nâng cao tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường;
- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học; tạo điều kiện để người học có kênh thông tin để đóng góp, phản ánh về hoạt động giảng dạy của GV;
- Giúp GV, SV có cơ hội tiếp cận với nhiều hình thức và Phương pháp dạy – học hiện đại, phù hợp với bối cảnh và xu thế chung.
- Là cơ sở để Cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Bộ môn có căn cứ đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng giảng dạy.

## 2. Quá trình khảo sát

### 2.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

SV các lớp theo đề án giáo dục 4.0 tại Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM.

### 2.2. Hình thức

Khảo sát online kết hợp với khảo sát trực tiếp thông qua phiếu hỏi.

### 2.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian khảo sát: 01/03/2020 – 15/12/2020
- Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 16/12/2020 – 25/12/2020
- Viết báo cáo: 26/12/2020 – 31/12/2020

### 2.4. Công cụ khảo sát

Phiếu khảo sát môn học gồm 16 câu hỏi/tiêu chí gắn với các nội dung về mục tiêu môn học, đề cương môn học, giáo trình và tài liệu phục vụ dạy- học, trang thiết bị, phương pháp và hình thức giảng dạy của GV, đánh giá kết quả học tập, mức độ hài lòng với môn học.

Các câu hỏi trong phiếu khảo sát được xây dựng trên thang đo Likert với 4 mức độ:

- |                 |                        |        |
|-----------------|------------------------|--------|
| - <i>Mức 1:</i> | Chưa Tốt/Chưa hài lòng | 1 điểm |
| - <i>Mức 2:</i> | Bình thường            | 2 điểm |
| - <i>Mức 3:</i> | Tốt/Hài lòng           | 3 điểm |

- *Mức 4:* Rất Tốt/Rất hài lòng

4 điểm

## II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

### 2.1. Số lượng SV tham gia khảo sát

Phòng TTPC-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐTĐH và các Thầy/Cô phụ trách các lớp học để thu thập ý kiến của các bạn SV về Phương pháp Blended learning. Kết quả thu được có 184/271 lượt SV tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 67.9%. Mặc dù, các Thầy/Cô đã rất nhiệt tình hỗ trợ công tác khảo sát của Nhà trường nhưng do nhiều yếu tố về sự tham dự lớp học, ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc gặp gỡ và sử dụng các hình thức nhằm thu thập được các ý kiến của SV cũng còn hạn chế.

STT	Tên GV	Tên môn học	Số lượng SV đăng ký	Số lượng SV phản hồi	Tỉ lệ (%)
1	Lê Đình Duy	Máy học	28	16	57,1
2	Lê Hoàng Tuấn	Đại số tuyến tính	41	23	56,1
3	Lê Kim Hùng	Nhập môn mạng máy tính	27	27	100
4	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	Lập trình hướng đối tượng	101	76	75,2
5	Nguyễn Thị Kim Phụng	Cơ sở dữ liệu	41	27	65,9
6	Phan Đình Duy	Kiến trúc máy tính	33	15	45,5
<b>Tổng</b>			<b>271</b>	<b>184</b>	<b>67.9</b>

Bảng 1. Số lượng SV tham gia khảo sát môn học

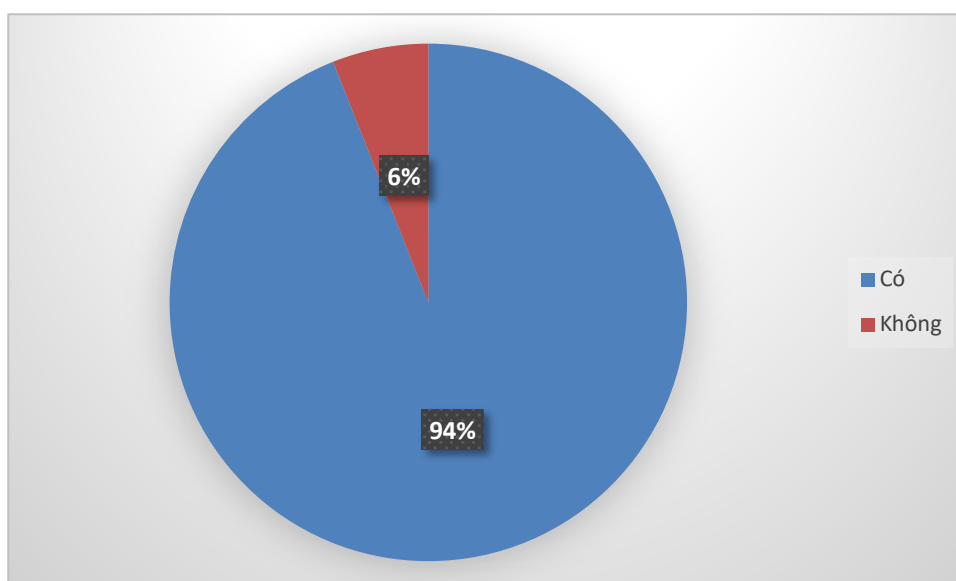
Số lượng SV tham gia khảo sát trên tổng số SV đăng ký đạt tỉ lệ ở mức trung bình khá trở lên, từ 45.5% - 75.2%. Trong đó, cao nhất là sự tham gia của SV ở môn học Lập trình hướng đối tượng, chiếm tỉ lệ 75,2%; thấp nhất là môn học Kiến trúc máy tính với tỉ lệ 45,5%.

### 2.2. Kết quả

#### 2.2.1 Thông tin về Phương pháp Blended learning đến với người học

Blended Learning (phương pháp kết hợp giảng dạy truyền thống và E-learning) hiệu quả hơn các lớp học trực tiếp truyền thống hay trực tuyến thuần túy. Bằng cách kết hợp các ưu điểm của phương pháp giảng dạy truyền thống và E-learning, các phương pháp Blended Learning có thể mang đến sự thành công của sinh viên ở mức độ cao. Blended Learning được cho rằng ít tốn kém hơn học trong các lớp học truyền thống, thậm chí là có tiềm năng cắt giảm được chi phí giáo dục (Watson, 2008).

Chính vì tính ưu việt của phương pháp Blended learning mà nó đang được áp dụng thử nghiệm đối với một số lớp tại Trường trước khi đi đến áp dụng đại trà. Tuy nhiên, việc quan trọng đầu tiên là SV cần phải nhận được các thông tin đầy đủ về một phương pháp/mô hình học tập mới để các bạn có thời gian tìm hiểu và chủ động hơn trong học tập. Do vậy, phiếu khảo sát đã thu thập ý kiến phản hồi của SV về việc các bạn có nhận được hướng dẫn và giới thiệu của GV phụ trách môn học về Phương pháp này trong buổi học, kết quả được thể hiện như sau:



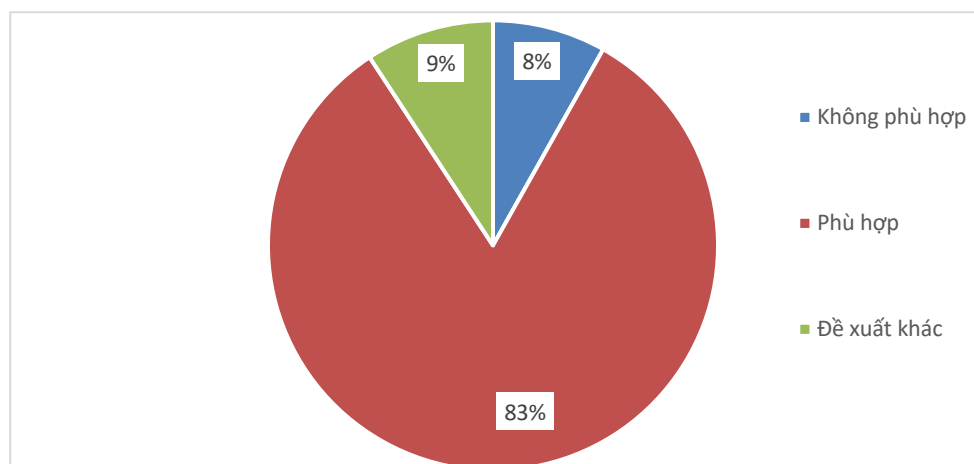
*Biểu đồ 2. Tỷ lệ đồng ý của SV (%)*

Bảng 2 cho thấy hầu hết SV đều đồng ý được GV cung cấp thông tin và hướng dẫn về phương pháp Blended learning (tỉ lệ 94%) đối với các môn học, còn lại 6% SV cho rằng chưa được cung cấp thông tin. Phân tích chi tiết về phản hồi của 6% SV này cho thấy tập trung ở môn học Lập trình hướng đối tượng. Tuy nhiên, trong một lớp có 76 bạn SV mà tỉ lệ xác nhận GV có cung cấp thông tin là gần 90% (65/76 SV) thì có thể kết luận rằng SV đã không tham dự lớp học đầy đủ hoặc không tập trung do đó dẫn đến việc chưa

được lắng nghe các thông tin liên quan về môn học và phương pháp học Blended learning.

### 2.2.2 Thời lượng tổ chức dạy - học theo phương pháp Blended learning

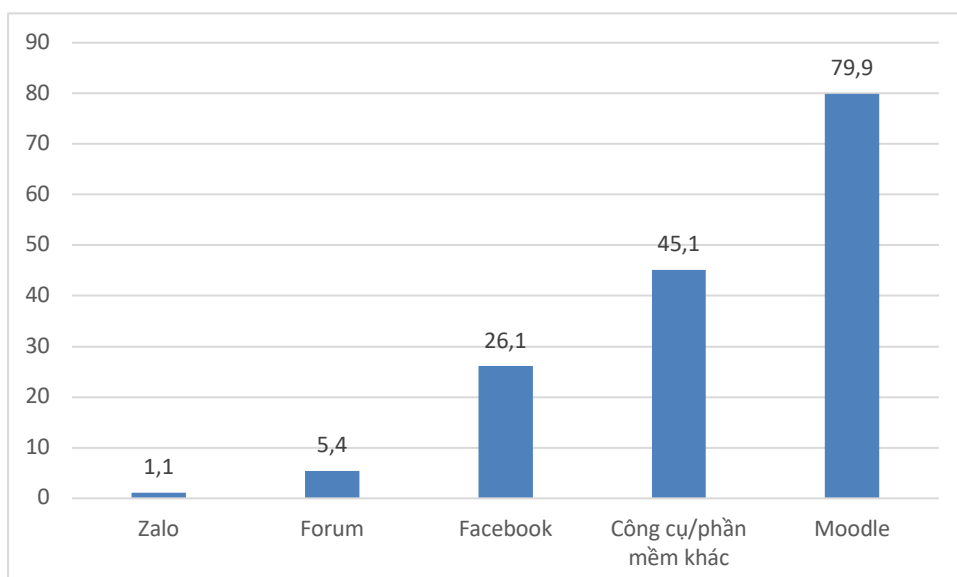
Khi được hỏi về thời lượng dành cho môn học theo Phương pháp này là 10 buổi học trên lớp và 5 buổi học offline tại nhà là phù hợp hay chưa phù hợp để giúp SV có thể lĩnh hội được nội dung của môn học, kết quả được thể hiện như sau:



Biểu đồ 3. Tỷ lệ đồng ý của SV về thời lượng phân bổ môn học (%)

Nhìn chung, đa số SV đều đồng ý về thời lượng phân bổ dành cho môn học, chiếm tỉ lệ 83%. Ngoài ra, còn có 9% SV có đề xuất khác về thời lượng như: 10 buổi học trên lớp và 10 buổi học offline, 5 buổi học trên lớp và 10 buổi học offline, đối với các môn học đòi hỏi nhiều cuộc trao đổi, thảo luận thì số buổi offline nên nhiều hơn 1 chút (7 buổi offline / 15 buổi), 50/50, 7 buổi học trên lớp và 8 buổi học online (5 ý kiến),... cần được xem xét thêm.

### 2.2.4 Các công cụ/phần mềm được GV sử dụng để tương tác trong quá trình học tập



*Biểu đồ 3. Các công cụ/phần mềm được GV sử dụng (%)*

Kết quả cho thấy GV sử dụng chủ yếu Moodle của Nhà trường làm kênh tương tác chủ yếu với SV trong quá trình triển khai dạy – học theo phương pháp Blended learning (tỉ lệ 79.9%). Trên thực tế trang Moodle của Nhà trường có đầy đủ các tiện ích giúp GV và SV quản lý bài học, bài tập và trao đổi/thảo luận do vậy kết quả này hoàn toàn là phù hợp.

Phân tích chi tiết về các công cụ/phần mềm được GV sử dụng theo đặc thù môn học, kết quả cho thấy như sau:

Công cụ/phần mềm		Tên GV					
		Lê Đình Duy	Lê Hoàng Tuấn	Lê Kim Hùng	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	Nguyễn Thị Kim Phụng	Phan Đình Duy
Facebook	Không sử dụng	16	21	26	31	27	15
	Có sử dụng	0	2	1	45	0	0
Zalo	Không sử dụng	16	23	26	75	27	15
	Có sử dụng	0	0	1	1	0	0
Forum	Không sử dụng	15	23	25	69	27	15
	Có sử dụng	1	0	2	7	0	0

Moodle (course.uit.edu.vn)	Không sử dụng	10	8	5	9	2	3
	Có sử dụng	6	15	22	67	25	12
Công cụ/phần mềm khác	Không sử dụng	6	16	9	45	19	6
	Có sử dụng	10	7	18	31	8	9

Bảng 2. Các công cụ/phần mềm được Gv sử dụng theo môn học

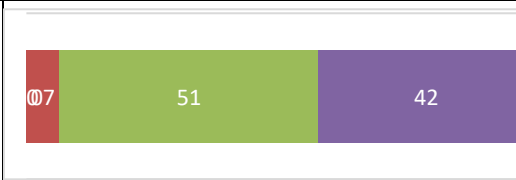
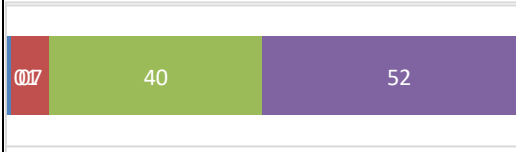
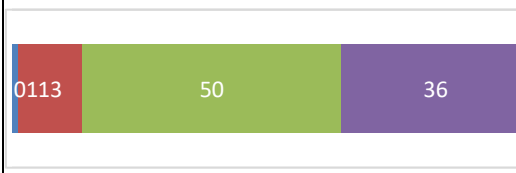
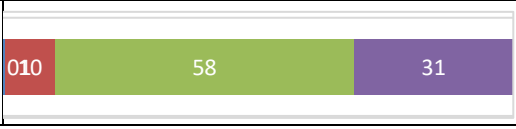
Ngoài ra, qua phân tích 45.1% SV chọn các công cụ/phần mềm khác, kết quả cho thấy công cụ/phần mềm được đa số GV sử dụng thêm là Microsoft Team (86.2%) và Youtube (12.8%).

### 2.2.5 Đánh giá của SV về các tiêu chí tổ chức dạy học theo phương pháp Blended learning

Đối với Phương pháp Blended learning là một trong những hình thức mới và bản chất là kết hợp giữa giảng dạy truyền thống và E-learning, do đó việc tổ chức lớp học phải đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức cho người học dưới nhiều hình thức, phương tiện.

Bảng câu hỏi dành cho phương pháp này gồm có 09 câu hỏi (tiêu chí) về chất lượng internet, nội dung bài học, chất lượng bài tập, thời gian và GV. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ (%) SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

Tiêu chí	Tổng số	Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt	TB	ĐLC
Chất lượng video	184	05	50	44		3,37	,630
Nội dung bài học (video)	184	06	40	53		3,45	,660
Số lượng và chất lượng các bài tập bổ trợ	184	0211	52	36		3,22	,699
GV sử dụng thời gian học trên lớp	184	08	47	44		3,35	,652
GV hướng dẫn A/C sử dụng thời gian học offline tại nhà	181	01 19	51	29		3,07	,723

GV hướng dẫn A/C về việc xem các tài liệu, video bài giảng trước để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo	184		3,36	,602
Các bài giảng video và tài liệu học tập online đã được GV cung cấp đầy đủ	184		3,42	,673
GV sử dụng các công cụ/phần mềm để thảo luận và tương tác với A/C trong quá trình học tập	184		3,22	,699
Đánh giá chung của A/C về phương pháp dạy học kết hợp	184		3,19	,646
<b>Tổng</b>			<b>3,29</b>	<b>0,66</b>

Bảng 2: Tỷ lệ hài lòng của SV về các tiêu chí


Kết quả bảng 2 cho thấy, SV đánh giá *tốt/hài lòng* và *rất tốt/rất hài lòng* (gọi chung là *hài lòng*) ở mức cao từ 79.5% - 94.0%, trong đó tiêu chí về chất lượng video được đánh giá cao nhất, kết quả này một lần nữa đã chứng minh Nhà trường có nền tảng về CNTT tốt, đáp ứng nhu cầu của người học; kể đến là các tiêu chí về nội dung bài học và GV. Tiêu chí được đánh giá thấp nhất là tiêu chí về việc GV hướng dẫn SV sử dụng thời gian học offline tại nhà chưa hiệu quả (tỷ lệ 79.5%). Nhìn chung ở các tiêu chí có phân hóa thành thành hai nhóm: nhóm được đánh giá rất cao (trên 90%) và nhóm được đánh giá khá tốt (từ 70-80%).


#### 2.2.4 Điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng ở các tiêu chí

Dựa trên mức độ hài lòng của SV theo từng tiêu chí ở mỗi lớp, Phòng TT-PC-ĐBCL đã xử lý số liệu để có mức điểm trung bình của mỗi GV theo từng tiêu chí, với quy ước:

- Điểm trung bình < 3 điểm: Dưới mức hài lòng/ chưa tốt;
- Điểm trung bình 3 – 4 điểm: Đạt mức hài lòng/tốt

Mỗi môn học của GV đều được SV đánh giá dựa trên 09 tiêu chí, kết quả được trình bày theo bảng số 3 như sau:

 TB thấp nhất

 TB cao nhất

(\*) ĐTB chung không bao gồm điểm đánh giá tiêu chí về cơ sở vật chất



Tiêu chí  Giảng viên	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TC7	TC8	TC9	ĐTB chung
	Chất lượng video	Nội dung bài học (video)	Số lượng và chất lượng các bài tập hỗ trợ	GV sử dụng thời gian học trên lớp	GV hướng dẫn A/C sử dụng thời gian học offline tại nhà	GV hướng dẫn A/C về việc xem các tài liệu, video bài giảng trước để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo	Các bài giảng video và tài liệu học tập online đã được GV cung cấp đầy đủ	GV sử dụng các công cụ/phần mềm để thảo luận và tương tác với A/C trong quá trình học tập	Đánh giá chung của A/C về phương pháp dạy học kết hợp	
Lê Đình Duy	3,4	3,4	3,3	3,4	3,3	3,2	3,6	3,5	3,4	3,38
Lê Hoàng Tuấn	3,8	3,8	3,7	3,7	3,4	3,5	3,7	3,3	3,7	3,62
Lê Kim Hùng	3,1	3,1	3,2	3,6	3,3	3,6	3,4	3,5	3,0	3,33
Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	3,4	3,7	3,2	3,2	2,9	3,3	3,3	3,0	3,2	3,23
Nguyễn Thị Kim Phụng	3,2	3,1	3,1	3,4	3,0	3,3	3,4	3,2	3,0	3,18
Phan Đình Duy	3,1	3,1	2,9	3,1	2,9	3,4	3,5	3,3	3,1	3,16

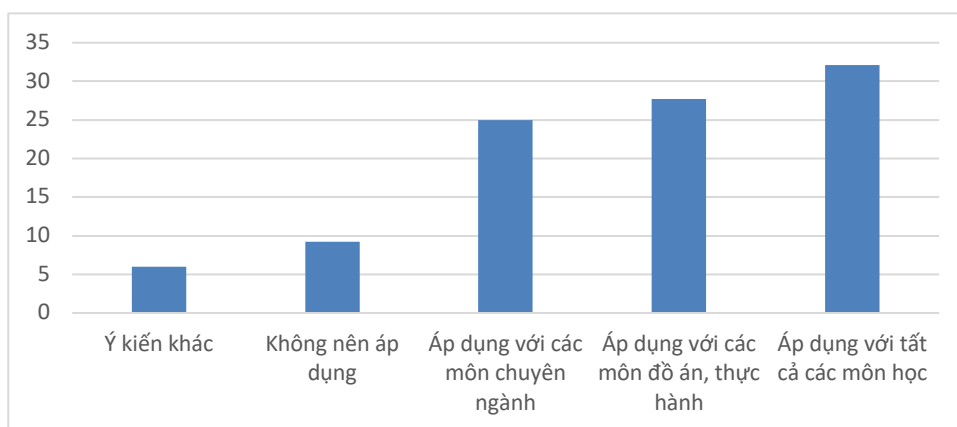
Bảng 3. Điểm trung bình đánh giá hài lòng của SV ở các tiêu chí

Hầu hết các GV đều được HVCH đánh giá hài lòng và rất hài lòng, điểm trung bình ở các tiêu chí tất cả đều đạt ở mức tốt và rất tốt (ĐTB chung > 3.0). Mặc dù, đây là lần đầu tiên Nhà trường triển khai dạy học theo Phương pháp Blended learning nhưng kết quả cho thấy đã có nhiều khả quan, đánh ghi nhận. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến khích các Thầy/Cô tiếp tục phát huy trong các học kỳ tiếp theo.

### 2.2.5 Ưu/nhược điểm của Phương pháp Blended learning

Phiếu khảo sát có ghi nhận những ý kiến của SV Trường về lợi thế và nhược điểm của phương pháp Blended learning. Nhìn chung các ý kiến khen ngợi đều tập trung vào các tiện ích của loại hình này trong việc hỗ trợ SV tìm kiếm tài liệu, lưu trữ bài giảng, linh hoạt. Bên cạnh đó, qua ý kiến của SV cũng cho thấy Phương pháp này bộc lộ nhiều hạn chế, nổi bật nhất là thiếu tính tương tác (*chi tiết xem phần phụ lục*).

Chính vì những ưu điểm, nhược điểm nói trên mà SV cũng có ý kiến thể hiện sự đồng tình/không đồng tình trong việc áp dụng tiếp tục phương pháp này trong giảng dạy, chi tiết như sau:



### III. KẾT LUẬN

Phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng Phòng ĐTDH và Quý Thầy/Cô phụ trách môn học đã khảo sát và xử lý kết quả của 06 lớp, với sự tham gia của 184/271 SV đạt tỉ lệ 67.9%. Trong đó:

- Hầu hết tiêu chí khảo sát đều được SV đánh giá hài lòng, cao nhất là tiêu chí về chất lượng video.
- 100% GV tham gia giảng dạy được SV đánh giá đạt yêu cầu về chất lượng giảng dạy với điểm trung bình từ 3 điểm trở lên.
- Trên 80% GV sử dụng trang Moodle và Google Team để dạy học theo phương pháp Blended learning tại Trường.
- Có 152 SV cho biết ý kiến về những ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này cần được xem xét khi triển khai rộng rãi.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Khánh Sơn**

## PHỤ LỤC

### Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ ƯU & NHƯỢC ĐIỂM CỦA PHƯƠNG PHÁP BLENDED LEARNING

TT	Ưu điểm	Nhược điểm	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Dễ tiếp thu;</li><li>- Nội dung có video dễ dàng để xem đi xem lại.</li></ul>	Hay gặp vấn đề về mạng: giật lag, mất kết nối	
2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể học lại khi không hiểu bài trên lớp;</li><li>- Rèn khả năng tự học;</li><li>- Bài giảng dễ hiểu, chi tiết</li></ul>	Kết nối internet, đường truyền mạng	
3	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể chủ động ôn lại kiến thức bằng video đã lưu;</li><li>- Nộp bài tập, làm bài tập trên lớp lấy điểm dễ dàng hơn, không phải trực tiếp lên bảng;</li><li>- Dễ dàng tổng hợp tài liệu do chung chỗ, nền tảng với video stream</li><li>- Không phải đến lớp khi gặp các vấn đề về sức khỏe khó đi lại.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khó trao đổi trực tiếp được với thầy/cô;</li><li>- Không gặp được các bạn trong lớp khó để tương tác làm việc nhóm, phân công làm đồ án;</li><li>- Kết nối mạng và cơ sở hạ tầng còn một số hạn chế khó đáp ứng tốt việc học online.</li></ul>	
4	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp, từ đó tiết kiệm phần lớn thời gian cho phần bài tập;</li><li>- Có thể xem lại bài giảng nếu chưa hiểu.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nếu mạng yếu thì không thể xem video được.</li></ul>	
5	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sinh viên có thể xem lại bài giảng nếu chưa hiểu;</li><li>- Thuận tiện về mặt thời gian.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khó trao đổi với giảng viên khi gặp vấn đề.</li></ul>	
6	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thuận tiện về mặt thời gian</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Một số vấn đề khó trao đổi với giảng viên</li></ul>	
7	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian học tập được linh hoạt, thoải mái hơn, phương pháp mới dễ tạo hứng thú với học viên.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất lượng các video không đồng đều (âm thanh chưa được tốt);</li><li>- Hạn chế tương tác trực tiếp.</li></ul>	
8	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiết kiệm thời gian, mỗi người tùy ý học theo tốc độ hiểu bài của mình.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Không tương tác trực tiếp để trao đổi được;</li><li>- Bài tập ít.</li></ul>	

9	- Có thể xem nhiều lần		
10	- Dễ hiểu, dễ tiếp thu, có thể xem lại bài giảng nhiều lần.	- Chưa tương tác nhiều với giảng viên.	
11	- SV có thể chủ động học, đặt câu hỏi và làm bài tập vào mọi lúc	- Khó tương tác trực tiếp với GV.	
12	- Có thể xem lại bài giảng, tiết kiệm thời gian.	- Khiến bản thân lười hơn khi đi học offline	
13	-Phù hợp với các môn thực hành		
14	- Có thể tham khảo bài học lại nhiều lần qua các video, phát huy khả năng tự tìm hiểu và học tập, tiện lợi cho SV nhà quá xa.	- Những lúc không hiểu bài dễ tương tác trực tiếp với GV khá khó.	
15	- Có thể xem lại bài giảng; - Có thể học tại nhà không cần đến trường.	- Thiếu tương tác với GV; - GV khó theo dõi SV.	
16	- SV dễ nắm bắt được bài giảng, có thể xem lại bài giảng sau để nắm rõ kiến thức; - Có thể học tại nhà không cần đến trường.	- Thiếu sự giao lưu face- to- face đối với SV và GV; - GV khó theo dõi được mức độ nắm bắt bài học của SV.	
17	- Tiết kiệm thời gian, linh động; - Có thể ôn tập lại.	- Tương tác GV-SV chưa hiệu quả	
18	- Video bài giảng khá đầy đủ, có thể xem lại khi cần.	- Khó tương tác với bạn bè cùng lớp.	
19	- Giờ giấc thoải mái.	- Quá nhiều bài tập	
20	- Có nhiều thời gian hơn khi học bằng video, nếu không hiểu có thể xem lại.	- Không tương tác trực tiếp nhiều với GV, bạn học.	
21	- Có thể xem đi xem lại bài giảng để ôn tập và học hằng ngày	- Khó tương tác với GV.	

22	- Có thể tiếp cận bài giảng nhiều lần khi không hiểu; - Dễ tương tác từ xa, mọi lúc mọi nơi.	- Khó tương tác với thầy/cô khi gặp thắc mắc.	
23	- Có thể xem nhiều lần không giới hạn.	- Ít tương tác giữa GV và SV.	
24	- Tiết kiệm thời gian di chuyển, thuận tiện trong việc tra cứu thông tin. - Giảm thiểu áp lực trong học tập.	- Thiếu tương tác giữa GV và SV; - SV thiếu tự giác trong học tập, thiếu kết nối trong quá trình làm việc nhóm.	
25	- Dễ dàng xem lại bài giảng, thuận tiện trong nhiều hoàn cảnh nếu gặp khó khăn trong sắp xếp thời gian, có thể học ở bất cứ đâu, nâng cao khả năng tự học	- Bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như đường truyền mạng, thiết bị và còn phụ thuộc nhiều vào độ tự giác của SV.	
26	- Tiện lợi, không cần chuẩn bị nhiều.	- GV không theo sát được tất cả SV; - Buổi học tốn thêm thời gian để gọi các bạn vắng mặt.	
27	- Thuận tiện hơn trong việc học tập.	- Do không tương tác được nhiều nên một số vấn đề không thể hiểu rõ.	
28	- Chủ động thời gian.	- Gặp một số khó khăn trong đường truyền, kết nối.	
29	- Hiểu rõ hơn về bài học.	- Tốn nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị (video)	
30	- Tiết kiệm thời gian cho SV; - Có thể tự xem lại video khi không hiểu bài.	- Hơn ít tương tác giữa các bạn trong lớp.	
31	- Thuận tiện cho cả giảng viên và sinh viên	- Không thuận lợi cho việc trao đổi, trình bày ý kiến; - Học ở nhà sẽ không tạo được sự tập trung tốt nhất.	

32	- Học tại đâu cũng được; - Thuận tiện thời gian	- Khó cho việc hỏi bài; - Học offline giảng không kỹ bằng trên lớp.	
33	- Tiện lợi, dễ dàng học tập tại mọi nơi, coi lại được nhiều lần.	- Đôi lúc hơi khó hiểu cần xem lại nhiều lần.	
34	- Tạo khoảng thời gian thoải mái cho SV	- SV sẽ khó tiếp thu nếu học offline nhiều.	
35	- Tiết kiệm thời gian	- Có thể không hiểu bài mà không được giải đáp trực tiếp khi học offline	
36	- Thuận tiện cho việc lưu lại bài giảng; - Thời gian học tập thoải mái.	- Không thể tương tác trực tiếp với giảng viên ở các buổi offline.	
37	- Có thể xem lại bài giảng; - Học tập tự do thời gian.	- Khó giao tiếp với GV.	
38	- Linh hoạt về thời gian, giảm thiểu chi phí và công sức; - Nâng cao tính tự giác trong học tập cũng như kỹ năng tự học, có thể xem lại bài giảng nhiều lần để củng cố kiến thức.	- Hạn chế trong việc trao đổi với GV khi có thắc mắc.	
39	- Thoải mái thời gian, đồng phục, tiết kiệm chi phí di chuyển.	- Một số môn cần làm bài tập và hỏi trực tiếp GV.	
40	- GV có video có thể dễ dàng xem đi xem lại nội dung bài học, giúp dễ hiểu bài học hơn.	- Không có nhiều sự tương tác giữa GV và SV.	
41	- Tiện lợi, dễ sắp xếp thời gian học, có thể xem lại khi cần. - Nội dung bài học ngắn gọn, trọng tâm.	- Khó có sự tương tác giữa GV và SV' - Phải có máy tính hay internet để truy cập.	
42	- Ở nhà vẫn học được	- Hay đứt cáp, mạng lag.	
43	- Thoải mái, tiện lợi, có thể xem lại bài giảng, tiết kiệm việc đi lại.		

44	- Linh hoạt về thời gian đi lại; - Dễ dàng xem lại bài giảng.	- Vấn đề đường truyền, phần mềm.	
45	- Trong quá trình học, khi chưa hiểu vấn đề nào có thể xem lại video; - Không bị ảnh hưởng bởi vấn đề thời tiết, di chuyển.		
46	- Thoải mái việc đi lại	- Không được tương tác nhiều; - Đường truyền và thiết bị học khó.	
47	- Có thể tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và nhiều chi phí khác phát sinh; - Có thể tạo không gian thoải mái.	- Khó tập trung, khó tiếp thu kiến thức dễ dàng do có nhiều tác nhân làm phiền khi học offline tại nhà. - Không thể trao đổi trực tiếp với GV và các bạn	
48	- Tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, tập trung vào khả năng tự học, tìm tòi của SV	- Tương tác với GV ít, khi một vấn đề mình không rõ thì không được giải quyết hoặc giải đáp liền mà phải đợi đến buổi học trên lớp.	
49	- Chủ động, tiết kiệm.		
50	- Có thể học mọi lúc mọi nơi, ôn tập kiến thức tốt tránh được các tác động xã hội.	- Cần ý thức tự giác cao, quá trình giảng dạy online cần có sự chuẩn bị nhiều và tập trung vào nội dung chính.	
51	- Chủ động, tiết kiệm		
52	- Có thể học bất cứ lúc nào (vì video được lưu lại), điều kiện thời tiết nào cũng có thể học được.	- Ít tương tác với GV và bạn bè.	
53	- Dễ dàng tiếp cận môn học.		
54	- Tiết kiệm thời gian, có thể xem lại nội dung đã được giảng.		
55	- Tận dụng tốt, tối đa về khoảng thời gian học tập hiệu quả; - Có thể tổng hợp cũng như xem lại nội dung bài học một cách rõ ràng.	- Không thể nhận được câu trả lời trực tiếp ngay lúc đặt câu hỏi.	

56	- Giúp hiểu rõ bài hơn; - Khi không hiểu có thể quay lại xem kỹ.		
57	- Xem lại bài giảng nhiều lần.		
58	- Có thể xem lại nhiều lần, đảm bảo chất lượng, dễ hiểu.		
59	- Không cần di chuyển đi lại giữa nơi ở và lớp học; - Có thể xem lại khi cần thiết.	- Không tương tác được với GV.	
60	- Có thể tham khảo bài giảng nhiều lần	- Ít tương tác với giảng viên	
61	- Thời gian học tập kết hợp linh động giữa online và offline; - Có thể xem lại video bài giảng; - Có thể đặt câu hỏi cho GV trên nhiều diễn đàn khác nhau (forum, courses, FB,...)		
62	- Thời gian học tập thoải mái, có thể xem lại bài giảng nhiều lần; - Hiệu quả tập trung học tập cao hơn, khả năng tự học nâng cao; - Đối với các môn lập trình, việc sửa lỗi code cho SV tiện lợi hơn.	- Một số bạn SV có thể không theo kịp kiến thức, cảm thấy nhàm chán.	
63	- Tiết kiệm thời gian, tăng khả năng tự học, tự tìm tòi của SV.		
64	- SV có thời gian riêng để tự nghiên cứu, tham khảo thêm tài liệu		
65	- Thời gian linh hoạt; - Có thể xem lại bài giảng khi cần.	- Thiếu tương tác giữa GV với SV, SV với nhau.	
66	- Thoải mái, có thể record lại bài giảng	- Khó tương tác với GV hay bạn bè khi gặp khó khăn.	
67	- Có thể xem lại video nhiều lần, hiểu rõ bài hơn; - Dễ dàng thảo luận với bạn bè về các vấn đề.		



68	- Tự do thời gian, sinh viên nâng cao tinh thần tự giác, tự tìm tòi học hỏi.	- Một số kiến thức khó và chuyên sâu tự học sẽ dễ hiểu nhầm, nên có sự tương tác và thực hành trực tiếp với GV.	
69	- Tận dụng được thời gian học tập hiệu quả; - Có thể xem lại bài học để hiểu rõ hơn. - Giảng viên chuẩn bị nội dung một cách hiệu quả;	- Không thể đặt câu hỏi ngay tại một nội dung của bài giảng.	
70	- Tiết kiệm thời gian; - Thời gian học linh hoạt.	- Một số nội dung khó nắm bắt.	
71	- Có video để có thể ôn bài, xem lại trong các trường hợp không hiểu	- Ít gặp GV hơn bình thường, nếu video có vấn đề sẽ dẫn đến quá trình học không tốt.	
72	- Dễ dàng hỏi GV nếu không hiểu bài; - Xem lại bài giảng video nếu chưa hiểu và nghỉ học buổi đó; - Xem bảng nội dung dễ dàng hơn học trên lớp.	- Đường truyền internet chưa ổn định, nhà trường cần đầu tư mạng internet cho SV, camera và thiết bị phụ trợ giảng dạy cho GV.	
73	- Kiến thức rất khó nên việc có thể xem lại hoặc trao đổi trên mạng rất phù hợp, có thời gian cho SV suy ngẫm về kiến thức đã và đang học.	- Sự trao đổi giữa GV và SV còn kém tương tác với nhau.	
74	- Tự học được, đỡ tốn thời gian đi lại.	- Khó tương tác với GV.	
75	- Tiết kiệm thời gian, có thể xem lại bài giảng	- Không có tương tác	
76	- Có thể xem đi xem lại để hiểu rõ hơn	- Khi có thắc mắc thì không thể được giải đáp ngay.	
77	- Dễ nắm bắt nội dung môn học.		
78	- Không cần phải di chuyển nhiều, thời gian ngắn hơn so với học offline	- Khá khó hiểu bài.	
79	- Không cần phải đến lớp		
80		- Dễ bị ảnh hưởng bởi bên ngoài	
81	- Có thể xem lại clip giảng, tiết kiệm thời gian di chuyển, được giảng viên hỗ trợ online nên nhanh hơn offline	- Chất lượng âm thanh đôi khi không tốt.	

82	- Giảm được thời gian đến trường học; - Nếu tập trung học sẽ cảm thấy kiến thức được gói gọn, dễ nắm bắt được kiến thức.	- Khó làm bài tập về nhà	
83	- Tiện lợi, tiết kiệm thời gian có thể xem lại bất cứ lúc nào, không hiểu có thể xem lại video.		
84	- Chủ động trong việc học tập.		
85	- Không tốn nhiều thời gian, chủ động hơn trong học tập		
86	- Tiện cho SV nhà ở xa; - Xem lại video khi quên.	- Phải có internet tốt; - Lỗi hệ thống	
87	- Có các bài giảng qua video trước để SV có thể tự học và buổi sau trên lớp có nhiều thời gian thảo luận hơn thay vì giáo viên phải giảng bài và trả lời thắc mắc vào cuối giờ học.	- Có thể có những sự cố về internet nên bất tiện cho các SV.	
88	- Không hiểu có thể xem lại video bài giảng		
89	- Giảm số buổi lên trường, tiết kiệm thời gian; - Tiện lợi hiệu quả hơn học offline	- Đôi lúc mạng yếu khiến quá trình học gián đoạn	
90	- Dễ dàng bổ sung kiến thức khi có việc bận hay không có thời gian lên lớp; - Xem đi xem lại bài giảng được	- Nên upload bài giảng trước 1 tuần và thời gian hoàn thành cụ thể (trong 1 khoảng nào đó)	
91	- Tự chủ được thời gian học, thầy/cô nhiệt tình giải đáp thắc mắc; - Quên bài thì vẫn có video để xem lại	- Mạng ở KTX chậm và thường bị mất mạng, khá ảnh hưởng đến quá trình tương tác với GV qua MS Team	
92	- Giúp SV phát huy khả năng tự học; - Có thể xem lại video bài giảng		
93	- Thuận tiện cho việc học, nội dung học tập phong phú		

94	- Có thể xem lại video các buổi giảng nhiều lần=> hiểu bài tốt hơn; - Đề cao tính tự học của mỗi SV.	- Phụ thuộc vào một số yếu tố khách quan: điện, internet.	
95	- Có thể xem lại các bài giảng để tìm hiểu những nội dung chưa hiểu.	- Các buổi học offline ít có sự tương tác giữa GV và SV	
96	- Tiết kiệm thời gian, tạo không gian học tập riêng tư cho SV; - Tùy chỉnh được thời gian học.	- Khó trao đổi trực tiếp được với GV; - Dễ tạo cảm giác lười cho SV.	
97	- Các bài giảng được lưu lại trên Moodle tốt cho việc xem lại hơn ở lớp; - Khi hỏi được thầy tận tâm giải quyết.	- Bài tập trên Moodle hơi dễ	
98	- Dễ hiểu		
99	- Truyền tải được nhiều kiến thức hơn, sinh viên có thể học một cách chủ động hơn	- Dễ gây thói quen ỷ lại lúc nào học cũng được	
100	- Dễ trao đổi, dễ nắm bắt		
101	- Dễ dàng theo dõi tiến độ học tập của sinh viên cũng như cập nhật thông tin nhanh chóng		
102	- Thuận tiện	- Không có tiếp xúc	
103	- Chất lượng bài giảng được đầu tư kỹ hơn	- Học viên phải có ý thức cao trong việc tự học	
104	- - Có bài học nào quên mình có thể xem lại - Xem trước nội dung bài dạy tiếp theo		
105	- Dễ ôn tập.		
106	- Sinh viên có thể ôn tập cũng như xem lại nhiều lần các vấn đề chưa hiểu	- Sinh viên khó tương tác với giáo viên khi gặp khó khăn trong khi học offline	
107	- Tiện lợi		
108	- Khi không hiểu bài thì có thể xem lại được		
109	- Tiện lợi	- Phải cần internet	
110	- Có thể coi lại bài giảng bất cứ lúc nào	- Tốn thời gian tự học	
111	- Tiết kiệm, linh động thời gian cho sinh viên. Có thể học lại bất cứ khi nào cần	- Khó tương tác với giảng viên.	

112	- Phát huy tính tự học của sinh viên	- Còn nhiều video bị lỗi mất tiếng, đơ hình; Thiếu video về 1 số nội dung và 1 số video giảng không thống nhất với nhau	
113	- Thuận tiện trong thời gian học, có video bài giảng sẵn cho việc học và ôn tập, có thời gian tự tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn	- Các bài giảng video chưa có sự liên kết chặt chẽ	
114	- Thoải mái thời gian, khuyến khích khả năng tự học tự tìm hiểu tự nghiên cứu, rất cần thiết cho việc tự học sau này	- Một số kiến thức có thể bị hiểu sai hướng, thời gian tự nghiên cứu sẽ chậm hơn so với học trực tiếp giảng viên	
115	- Thời gian học linh hoạt, có thể xem lại video nếu không hiểu	- Không tương tác trực tiếp với giảng viên	
116	- Tiết kiệm thời gian. - Có thể xem lại khi cần. - Những bạn yếu có thể có video để rèn luyện, theo kịp mọi người khác.	- Thầy cô không phải cứ dạy online là dễ hiểu, thầy cô cần phát triển thêm kỹ năng giảng dạy online này. Giảng nhiều lúc khó hiểu lắm. Phải coi đi coi lại mới hiểu, dễ nản lắm ạ.	
117	- Phương pháp học này giúp phát triển khá nhiều kỹ năng cho sinh viên nếu sinh viên biết tận dụng nó. Nên em nghĩ, nếu giúp các bạn sinh viên tự tìm ra được cho mình chiến lược học tập hợp lý cho phương pháp học này thì sẽ tối ưu hoá được việc học.		
118	- Có thể ở nhà học k cần phải lên trường	- Tự học onl dễ buồn ngủ khó tập trung	
119	- Thúc đẩy tinh thần tự học , tự tìm hiểu , tạo thêm những luồng kiến thức mới theo kịp thời đại	- Khó trao đổi thường xuyên , chất lượng video còn kém	
120	- Có thể tiện lợi khi học bất cứ lúc nào, thời gian học offline sẽ được tận dụng tốt hơn	- Videos dễ gây xao nhãng, một số chi tiết hơi khó hiểu và chưa được rõ. Thiếu tính tương tác để học sinh dễ tiếp thu hơn	
121	- Kích thích sự chủ động của sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu tự học nhiều hơn	- Chất lượng video và bài giảng video chưa đảm bảo đầy đủ, gây khó khăn cho việc tiếp cận tất cả kiến thức	
122	Nâng cao khả năng tự học, tự tìm hiểu bài học của sinh viên. Tối đa hóa thời gian của giảng viên và sinh viên. Giảng viên và sinh viên có thể trao đổi nhiều hơn qua việc học online.		

123	- Có thể xem lại video bài giảng nhiều lần	- Hơi ít số buổi học offline, không đủ để thầy có thể giải đáp thắc mắc.	
124	- Tiếp cận nhanh những vấn đề đơn giản, tiết kiệm thời gian đến trường đi chuyên.	- Dễ ỉ lại, không học tập đúng giờ, dễ ngủ, không tiếp cận được bài học mới.	
125	- Nắm trước nội dung bài giảng, giáo viên lên lớp chỉ cần giảng sơ lại		
126	- Đầy đủ và có thể ôn lại bài	- Đầy nhanh quá trình học	
127	- Nhanh chỉ cần đọc trước cà giản lại 1 lần là hiểu hết	- Dễ quen coi trước bài	
128	- Em thấy nó ex hiệu quả	- Trong lúc học onl thì k hỏi đc thầy cô, mà lên lớp hỏi lại thì quên	
129	- Giúp linh hoạt trong việc học tập hơn	- em chưa nhìn ra nhược điểm	
130	- Học được nhiều hơn	- Bài giảng chỗ bài tập chưa hui	
131	- Tiết kiệm thời gian giảng dạy của thầy cô trên lớp, tăng thời gian làm bài tập...	- Còn mới nên việc áp dụng chưa phổ biến	
132	- Chủ động thời gian để xem bài trước		
133	- Tạo điều kiện cho việc học thuận lợi hơn, có thể xem lại video nếu quên đi các kiến thức quan trọng trên lớp	- video cần phải chất lượng, và tạo được sự nhiệt huyết trong từng lời nói.	
134	- Giúp sinh viên nắm bài tốt hơn vì có thể xem kỹ lại những đoạn khó hiểu.		
135	- Tiết kiệm thời gian ở trường, tự sắp xếp đc thời gian bản thân	- Phụ thuộc vào tính tự giác của sinh viên	
136	- Tiết kiệm thời gian của sinh viên và ở đâu cũng học được	- Không thể tương tác nhanh chóng với giáo viên	
137	- Dễ dàng tra cứu và xem lại. Linh hoạt thời gian	- Một số vấn đề khó nói rõ. Dễ khiến sinh viên lười.	
138	- Tiết kiệm thời gian	- Không hiểu sâu được bài học	
139	- Có nhiều thời gian để học hơn; - Rất tốt cho các bạn học lại mà không muốn mất nhiều thời gian lên trường	- Phải có tinh thần tự học cao	

140	- Chủ động thời gian, chủ động kiến thức, rèn luyện khả năng tự học.	- Quá trình hơi chông gai, khó vững kiến thức nếu không đi học offline	
141	- Tiết kiệm được thời gian	- Không được giải đáp thắc mắc bằng sự tương tác trực tiếp nhiều như học trên lớp	
142	- Lịch học được chủ động, phương pháp dạy và học mới mẻ, thuận tiện	- Phương thức còn mới nên em chưa thể thích nghi, hoàn thiện đúng tiến độ học	
143	- Môn học này rất phù hợp với phương pháp blended learning		
144	- Sinh viên không phải tốn thời gian di chuyển đến trường để học.	- Các buổi học không cố định, rất khó theo sát.	
145	- Lợi ích thời gian	- Khó giao tiếp và phụ thuộc tài liệu	
146	- Thời gian linh động	- Không có động lực học	
147	- Thời gian lên lớp ít, như vậy chất lượng giảng dạy của giảng viên sẽ tốt hơn vì giảng viên sẽ có nhiều thời gian để chuẩn bị và tận dụng giờ lên lớp một cách hiệu quả. - Sinh viên sẽ chủ động với thời gian của mình hơn dựa vào lịch học đã thông báo trước đó so với giờ học cố định.	- Sinh viên đôi khi không có đủ động lực để tự học ở nhà ngoại trừ những buổi lên lớp.	
148		- Không có sự hướng dẫn kỹ từ giáo viên	
149	- Có khả năng xem lại bài giảng nếu có việc bận nghỉ học, thời gian học online linh hoạt	- Phụ thuộc vào tính tự chủ tự giác của sinh viên nhiều	
150	- Tiết kiệm thời gian	- Không hiểu sâu đc bài học	
151	- có nhiều thời gian để học những môn khác hơn	- Phải có tinh thần tự học cao mới có kết quả thật sự tốt	
152	- Sinh động, nâng cao khả năng tự học	- Gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu các vấn đề khó	